TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 5 - 2025
V/v:"Xin ly hôn, trA chấp về nuôi con"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Long.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Cương; bà Phạm Thị Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La *tham gia phiên tòa*: Ông Trần ThA Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc: Xin ly hôn, trA chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Tòng Thị T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Bản Kh, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

- *Bị đơn*: A Lò Văn Đ, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Bản Nà Ngh 1 xã Nà Ngh (nay là Tổ dân phố m, thị trấn Sông Mã), huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Hiên nay đang chấp hành án tại Trại giam ThA Lâm, Cục C10, Bộ Công an (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 31/01/2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Tòng Thị T trình bày:

Tôi và chồng tôi A Lò Văn Đ kết hôn với nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã Nà Ngh, huyện Sông Mã cấp ngày 02/01/2014. Trong thời gian sống cùng một gia đình hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng đã sống ly thân được 07 năm nay. Chồng tôi mắc vào tệ nạn xã hội đang phải chấp hành án tại trại giam ThA Lâm tỉnh ThA Hóa. Nay xét thấy tình cảm không còn nên tôi làm đơn xin được ly hôn với chồng tôi.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lò Thị Quỳnh A, sinh ngày 22/01/2012 và Lò Văn T, sinh ngày 14/11/2013. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu A Đ cấp dưỡng nuôi con cùng.

- Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này

- Nợ chung: Không có

Tại bản tự khai A Lò Văn Đ trình bày:

A và chị Tòng Thị T đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Nà Ngh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không nói chuyện được với nhau một thời gian dài, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, Nay chị T yêu cầu được ly hôn thì A Đ nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lò Thị Quỳnh A, sinh ngày 22/01/2012 và Lò Văn T, sinh ngày 14/11/2013. Do A Đ đang phải chấp hành án, nên A đề nghị được giao 02 con cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Sau này khi A chấp hành án xong về địa phương A sẽ yêu cầu lại theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật và các thủ tục. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tòng Thị T đối với A Lò Văn Đ. Xử cho chị Tòng Thị T được ly hôn với A Lò Văn Đ.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Lò Thị Quỳnh A, sinh ngày 22/01/2012 và Lò Văn T, sinh ngày 14/11/2013 cho chị Tòng Thị T chăm sóc,

nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, A Lò văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Tòng Thị T được miễn nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét trẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào bản khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, ý kiếm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Tòng Thị T khởi kiện xin ly hôn với A Lò Văn Đ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là xin ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật trA chấp về Hôn nhân gia đình theo Điều 28 bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn Lò Văn Đ cư trú tại bản Nà Ngh 1, xã Nà Ngh (nay là tổ dân phố 11, thị trấn Sông Mã), huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La do vậy Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị T và A Lò Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Ngh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống chị T và A Đ sống không hạnh phúc trong cuộc sống luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, A Đ vi phạm pháp luật về ma túy đang phải chấp hành án, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, A Lò Văn Đ có bản tự khai gửi cho Tòa án, A Đ đồng ý với yêu xin ly hôn của chị Tòng Thị T. Do A Lò Văn Đ hiện nay đang chấp hành án phạt tù nên có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ vào tình trạng hôn nhân hiện nay, nguyện vọng ly hôn của chị T, ý kiến của A Đ, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với A Đ là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Tòng Thị T và A Lò Văn Đ thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Lò Thị Quỳnh A, sinh ngày 22/01/2012 và Lò Văn T, sinh ngày 14/11/2013, chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu A Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng. A Đ đang phải chấp hành án, nên đề nghị giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo

mọi quyền lợi cho con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi Khc theo quy định của pháp luật, A Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Tòng Thị T là người dân tộc, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin được miễn án phí được Tòa án chấp nhận, nên được miễn án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tòng Thị T đối với A Lò Văn Đ.

Xử cho chị Tòng Thị T được ly hôn A Lò Văn Đ.

2. Về con chung: Giao các con chung là Lò Thị Quỳnh A, sinh ngày 22/01/2012 và Lò Văn T, sinh ngày 14/11/2013 cho chị Tòng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi Khc theo quy định của pháp luật. A Lò Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tòng Thị T, A Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

4.Về án phí: Chị Tòng Thị T được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền Khng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền Khng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Toàn án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã Nà Ngh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lô Văn Long